

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nông Thị Giới

2. Bà Vũ Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 09 năm 2024, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thu T, sinh năm 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ H, ấp P, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Anh Lâm Thanh T1, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ G, ấp V, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thu T trình bày:

Chị Trần Thu T và anh Lâm Thanh T1 tự nguyện chung sống từ năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước, vào ngày 11/9/2019.

Quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T và anh T1 đã sống ly thân được 3 năm. Nay chị Trần Thu T thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên làm đơn ly hôn với anh Lâm Thanh T1.

Quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Thảo N, sinh ngày 15/02/2020. Từ khi chị T và anh T1 sống ly thân, cháu N do chị Trần Thu T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị Lâm Thảo N có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Lâm Thanh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, bị đơn anh Lâm Thanh T1 vắng mặt:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập anh Lâm Thanh T1 lên làm việc, viết bản tự khai trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để làm cơ sở giải quyết vụ án nhưng anh T1 không thực hiện, không có ý kiến trình bày.

Biên bản xác minh ngày 12/6/2024 thể hiện: Quá trình chung sống chị Trần Thu T và anh Lâm Thanh T1 thường xuyên cãi nhau, năm 2021 chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống tại tổ H, ấp P, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước đến nay.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn, giao con chung tên Lâm Thảo N, sinh ngày 15/02/2020 cho chị Trần Thu T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lâm Thanh T1 cư trú tại tổ G, ấp V, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Anh Lâm Thanh T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu T và anh Lâm Thanh T1 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị Trần Thu T và anh Lâm Thanh T1 là hợp pháp, đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, chị Trần Thu T và anh Lâm Thanh T1 kết hôn với nhau nhằm mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng quá trình chung sống, anh chị bất đồng quan điểm không còn thương yêu nhau, quan tâm, trách nhiệm với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân ba năm, nay chị Trần Thu T không muốn hàn gắn gia đình mà yêu cầu ly hôn với anh Lâm Thanh T1 để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thu T với anh Lâm Thanh T1.

[3] Về con chung: Sau khi ly hôn, chị Trần Thu T có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lâm Thảo N, sinh ngày 15/02/2020, nhận thấy từ khi chị Trần Thu T và anh Lâm Thanh T1 ly thân, cháu N do chị Trần Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến nay, chị Trần Thu T có công việc và thu nhập ổn định, xét quyền lợi chính đáng của con nên để chị Trần Thu T nuôi dưỡng là phù hợp hơn anh Lâm Thanh T1 và phù hợp theo quy định của pháp luật tại các Điều 58 và 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thu T, giao con chung tên Lâm Thảo N, sinh ngày 15/02/2020 cho chị Trần Thu T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, chị T không yêu cầu anh Lâm Thanh T1 cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thu T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên phát biểu về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thu T. Chị Trần Thu T được ly hôn với anh Lâm Thanh T1.

- Về con chung: Giao con chung tên Lâm Thảo N, sinh ngày 15/02/2020 cho chị Trần Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lâm Thanh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Trần Thu T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002127 ngày 04/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND T. Bình Phước;
- VKSND TX. Bình Long;
- Các đương sự;
- CCTHADS TX. Bình Long;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Đức

